

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **99/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 16 - 4 - 2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Minh.

Bà Nguyễn Huỳnh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2021/TLST-HNGĐ ngày 18/02/2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/4/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Lam T, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Trương Vũ C, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Mộng N, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Chị T có mặt. Anh C, chị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2021 của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện: Vào năm 2015 chị T và anh C kết hôn với nhau, hôn nhân tự nguyện, có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (Giấy chứng nhận kết hôn số: 19/2016 ngày 11/3/2016). Thời kỳ chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trương Vũ Đ, sinh 11/01/2019.

Về tài sản chung: Có 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu Đen Xám, số máy E3T6B325296, số khung 1710JY221995, biển số Đ ký 69K1-246.21 do Nguyễn Lam T đứng tên chủ xe được cấp ngày 04/4/2018 theo giấy chứng nhận Đ ký xe mô tô, xe máy số 016974 (trị giá tài sản còn lại hiện nay 18.000.000 đồng); 07 chỉ vàng 24k là nữ trang trong ngày cưới do 02 bên gia đình cho (tài sản này chị T xác định vợ chồng đã bán hết và chi xài chung trong gia đình cụ thể như: Anh C bán 02 chỉ vàng 24k lúc vợ chồng đi làm ở Bình Dương (bán vào năm 2016), còn lại 05 chỉ vàng 24k chị T cầm ở Tiệm Thuốc Tây không nhớ tên và không nhớ thời điểm cầm, sau đó năm 2020 bán, toàn bộ số vàng cầm bán dùng để nuôi con và đóng hụi (của Chi hội phụ nữ ấp Lung Môn mờ). Tài sản là xe hiện nay anh C đang quản lý và đang cất giữ giấy tờ xe, tình trạng xe hiện nay không có cầm cố, thế chấp, hay sang bán cho cá nhân hay tổ chức nào khác.

Về nợ chung: Chị T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Năm 2016 vợ chồng đi làm ở Bình Dương thì anh C có ngoại tình với người phụ nữ khác, sau đó vợ chồng có cự cãi và về địa phương và được 02 bên gia đình hàn gắn ở lại, đến cuối năm 2020 chị T đi làm ở Bình Dương (lúc này anh C ở nhà), khi chị T về nhà thì anh C xem điện thoại của chị T và dùng điện thoại của chị T nhắn tin cho người khác thì chị T không đồng ý nên xảy mâu thuẫn cho đến nay và anh C còn vô lễ với cha mẹ chị T. Nay chị T xét cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài. Việc anh C nói chị làm công việc massage là không đúng.

Chị T yêu cầu ly hôn với anh C. Về con chung yêu cầu nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung yêu cầu chia đôi xe máy, chị T nhận hiện vật, đồng ý giao cho anh C 9.000.000 đồng; không đồng ý chia tài sản 05 chỉ vàng 24k. Về nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T rút lại yêu cầu chia tài sản đối với xe máy.

- Lời trình bày của bị đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện: Anh C thống nhất với toàn bộ lời trình bày của chị T về hôn nhân, về con chung.

Về tài sản chung: Anh T cũng xác định vợ chồng có tài sản chung là 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS do chị T đứng tên, giá trị còn lại là 18.000.000 đồng (xe hiện nay anh C đang quản lý và giữ giấy tờ xe, tình trạng xe hiện nay không có cầm cố, thế chấp, hay sang bán cho cá nhân hay tổ chức nào khác) và 07 chỉ vàng 24k là nữ trang trong ngày cưới do bên anh C cho hiện nay không còn (vợ chồng cùng bán 02 chỉ vàng 24k để chi xài chung khi đi làm ở Bình Dương, còn lại 05 chỉ vàng 24k chị T bán vàng dùng vào mục đích gì anh C không biết, theo anh C xác định thì chị T bán vàng để chi xài cá nhân. Vợ chồng có 03 chung hụi của Chi hội phụ nữ ấp Lung Môn hiện nay không có tranh chấp, hụi hiện nay chưa mãn.

Về nợ chung: Anh C xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Năm 2016 vợ chồng đi làm ở Bình Dương thì anh C có quen biết với 01 phụ nữ khác ở góc độ bạn bè, sau đó vợ chồng có cự cãi và về địa phương và được 02 bên gia đình hàn gắn ở lại, đến cuối năm 2020 chị T đi làm ở

thành phố Hồ Chí Minh (lúc này anh C ở nhà đi biển), khi chị T về nhà thì anh C có xem điện thoại của chị T thì phát hiện chị T làm công việc massage và nói chuyện qua lại với người đàn ông khác (qua việc nhắn tin giữa chị T với chị N, giữa chị T với người đàn ông và 01 người phụ nữ không rõ lai lịch), nên xảy mâu thuẫn cho đến nay, nay anh C xét cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài.

Anh C thông nhất ly hôn với chị T. Về con chung đồng ý giao cho chị T nuôi dạy, anh C không cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung anh C rút lại yêu cầu chia tài sản đối với 05 chỉ vàng 24k với điều kiện chị T rút yêu cầu chia tài sản đối với xe máy. Về nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tại hồ sơ thể hiện: Chị N xác định khoản nợ của chị T và anh C sẽ tự thỏa thuận, sau này có tranh chấp sẽ khởi kiện sau.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Mỗi quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có Đ ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên mỗi quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân vợ chồng nếu muốn có được hạnh phúc dài lâu và đạt được mục đích thì vợ chồng phải bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ và phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau. Nhưng chị T và anh C không làm được điều đó, nhưng chỉ vì mất lòng tin trong cuộc sống với nhau về tình cảm mà lại làm cho đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và chị T và anh C cương quyết ly hôn với nhau, do đó xác định chị T và anh C đã vi phạm Nêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, nếu tiếp tục duy trì về sau thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc và trái với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình hiện nay, nên cần chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh C là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và

gia đình. (Giấy chứng nhận kết hôn số: 19/2016 ngày 11/3/2016 của UBND xã P hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật).

[3.2] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Sau khi ly hôn giữa chị T và anh C thỏa thuận chị T là người trực tiếp nuôi con chung tên Trương Vũ Đ, sinh 11/01/2019, Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con là tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, anh C có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với chị T, nếu anh C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị T không yêu cầu, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Tại phiên tòa chị T rút yêu cầu chia tài sản đối với xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS do chị T đứng tên và anh C cũng có đơn rút yêu cầu chia tài sản đối với 05 chỉ vàng 24k, Hội đồng xét xử xét thấy việc rút yêu cầu chia tài sản của chị T và anh C là hoàn toàn tự nguyện, do đó căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản của chị T và anh C.

[3.4] Về nợ chung: Chị T và anh C xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và chị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án cũng không có yêu cầu độc lập để yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ trong vụ án này, nên căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự tách phần nợ chung ra trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp và có yêu cầu khởi kiện thì xem xét và giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị T và anh C đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ, trường hợp nếu dư được hoàn lại, nếu thiếu buộc phải nộp tiếp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Lam T.

+ Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Lam T ly hôn với anh Trương Vũ C.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 19/2016 ngày 11/3/2016 của UBND xã P hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

+ Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dạy cháu Trương Vũ Đ, sinh 11/01/2019. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, anh C có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với chị T, nếu anh C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Anh C không phải cấp dưỡng cho con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản chung:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản của chị Nguyễn Lam T đối với 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu Đen Xám, số máy E3T6B325296, số khung 1710JY221995, biển số Đ ký 69K1-246.21 do Nguyễn Lam T đứng tên chủ xe được cấp ngày 04/4/2018 theo giấy chứng nhận Đ ký xe mô tô, xe máy số 016974.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản của anh Trương Vũ C đối với 05 chỉ vàng 24k.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị T phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị T đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004640 và 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004641 cùng ngày 18/02/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ. Chị T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng.

Anh C đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004772 ngày 22/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, anh C được hoàn lại toàn bộ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thờ;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thờ;
- UBND xã P;
- Đường sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Trương Huỳnh Hải